

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: *Ly hôn*

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

Bà Nguyễn Thị Tường Vân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2022/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST – HNGĐ ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn H - Sinh năm 1960

Nơi ĐKKHTT và nơi ở hiện nay: Thôn Phi Bình, Xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

- Bi đơn: Bà Lê Thị M - sinh năm 1968;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn Phi Bình, Xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 11 năm 2022, bản tự khai ngày 21/11/2022 và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lê Văn H và bà Lê Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hoá ngày 29/11/2012. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn,

nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; Từ đầu năm 2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Nay Ông H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho Ông H được ly hôn bà Lê Thị M.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác: Phần tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác Ông H chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

* Tại bản tự khai ngày 21/11/2022 và các lời trình bày khác bị đơn là bà Lê Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị M và ông Lê Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND Xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hoá ngày 29/11/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, vợ chồng thỉnh thoảng có chút cãi nhau và xảy ra xung đột nhưng chưa đến mức trầm trọng. Bà M xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và Ông H vẫn còn. Ông Lê Văn H làm đơn xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn ông Lê Văn H. Bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau.

* **Về con cái:** Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác:** Quá trình làm việc tại tòa án bà Lê Thị M không đồng ý ly hôn nên bà chưa yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tại phiên tòa bà Lê Thị M yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản và công nợ của vợ chồng nhưng Bà M chưa có yêu cầu cụ thể và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để khởi kiện.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/12/2022, UBND Xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hóa nơi Ông H và Bà M đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Ông Lê Văn H và bà Lê Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND Xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hoá ngày 29/11/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn Phi Bình, Xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tháng 5 năm 2018 Ông H đã làm đơn xin ly hôn Bà M tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc. Đến tháng 8 năm 2018 Ông H rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng đến tháng 11 năm 2022 Ông H lại làm đơn xin ly hôn Bà M với lý do không hợp nhau thường xuyên cãi vã lẫn nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Ông H trình bày ông luôn bị giày vò về mặt tình cảm, đau khổ về tinh thần khi sống cùng Bà M. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Lê Thị M.

Tại phiên tòa ông Lê Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Lê Thị M xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà không đồng ý ly hôn Ông H, đề nghị Ông H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa bà Lê Thị M phát

sinh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản và công nợ của vợ chồng nhưng Bà M chưa có yêu cầu cụ thể và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn H xử cho ông Lê Văn H được ly hôn bà Lê Thị M. Dành quyền khởi kiện về phần tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác nếu Bà M có yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Ông H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do Ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa vụ trong qu, trxnh giñi quyết vô , n Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn H có đơn khởi kiện về việc ly hôn với bà Lê Thị M có hộ khẩu thường trú tại thôn Phi Bình, Xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Ông H và Bà M không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Văn H và bà Lê Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Xã N, huyện V, tỉnh Thanh Hoá ngày 29/11/2012. Xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn H và bà Lê Thị M là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ tháng 5 năm 2018 và đầu năm 2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Nay Ông H xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Lê Văn H được ly hôn bà Lê Thị M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tháng 5 năm 2018, Ông H đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng sau đó Ông H đã có đơn xin rút đơn khởi kiện để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng vợ chồng sống với nhau vẫn không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, **bản thân Bà M cũng không có giải pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân giữa Bà M và Ông H. Xét thấy**, cuộc sống hôn nhân giữa ông Lê Văn H và bà Lê Thị M đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, **áp dụng Điều 51 và khoản 1 Điều 56** Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Lê Văn H được ly hôn bà Lê Thị M là phù hợp.

[3]. Về con chung: Ông Lê Văn H và bà Lê Thị M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về phần tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác: Ông Lê Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này. Quá trình tố tụng Bà M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản và công nợ; tại phiên tòa Bà M có yêu cầu tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác của Vợ, chồng nhưng bà chưa có yêu cầu cụ thể và không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nên HĐXX Dành quyền khởi kiện về phần tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác cho Ông H, Bà M bằng một vụ án dân sự khác khi ông, bà có yêu cầu

[5]. Về án phí: Ông Lê Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do Ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Lê Văn H được ly hôn bà Lê Thị M.
2. Về phần tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác: Dành quyền khởi kiện về phần tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác cho Ông H, Bà M bằng một vụ án dân sự khác khi ông, bà có yêu cầu

3. Về án phí: Ông Lê Văn H được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Lê Văn H và bà Lê Thị M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã Ninh Khang;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Sơn

